

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 464/2026/DS-PT

Ngày: 17-03-2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Quy

~~Bà Nguyễn Thị Kim Cương~~

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tĩnh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/DSPT ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” do Bản án dân sự sơ thẩm số 1210/2025/DS-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 554/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 1 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2371/2026/QĐPT-DS ngày 26/02/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Minh N, sinh năm 1958;(vắng mặt)

Địa chỉ: Số A N, phường B, quận C, (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1991 (văn bản ủy quyền ngày 13/4/2024).

Địa chỉ: A đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh(có mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn D;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành V

Địa chỉ: Số A Đường P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: **Bà Nguyễn Thị Phương T1** (văn bản ủy quyền ngày 06/8/2025). (có mặt)

Địa chỉ: Số A đường số A, cư xá C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản của Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà Lê Thị Minh N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (sau đây gọi tắt là Công ty D) có ký hợp đồng tích điểm kỳ nghỉ số YTS-002001507/2020/HĐTĐ-YTS ngày 26/12/2020 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng ngày 26/12/2020). Theo hợp đồng, bà N được sử dụng dịch vụ do Công ty D cung cấp, giá trị hợp đồng là 224.000.000 đồng. Bà N1 đã thanh toán đủ số tiền 224.000.000 đồng theo các lần thanh toán sau:

- Ngày 26/12/2020 thanh toán 1.000.000 đồng theo phiếu thu YTS-2399/20
- Ngày 28/12/2020 thanh toán 34.000.000 đồng theo phiếu thu YTS-2398/201
- Ngày 08/01/2021 thanh toán 189.000.000 đồng theo phiếu thu YTS-2406

Ngày 09/01/2024, Công ty D có xác nhận qua email với bà N1 về việc bà N1 được công nhận là chủ sở hữu thẻ tích điểm, số điểm ban đầu là 103,9 điểm, số điểm đã sử dụng là 17,5 điểm, số điểm chưa sử dụng là 86,42 điểm, tổng số điểm sau khi đã tăng 20% là 103,7 điểm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cung cấp dịch vụ. Ngày 28/6/2022, bà N1 đặt phòng nhưng Công ty D từ chối và yêu cầu phải đặt 02 đêm liên tục. Ngày 08/11/2023, bà N1 đặt phòng tại Resort Alma từ ngày 11/02/2024 đến hết ngày 14/02/2024 nhưng không có vì Công ty YTS không sở hữu các kỳ nghỉ theo phụ lục của hợp đồng đã ký kết. Do không đặt được phòng nên bà N1 đề nghị thanh lý hợp đồng nhưng Công ty D không đồng ý. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tích điểm kỳ nghỉ số YTS-002001507/2020/HĐTĐ-YTS ngày 26/12/2020 và buộc Công ty D mua lại 103,7 điểm với giá trị theo hợp đồng là: $103,7 \text{ điểm} \times 1.800.000 \text{ đồng} = 186.660.000 \text{đ đồng}$, Công ty D có nghĩa vụ thanh toán cho bà N1 số tiền 186.660.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiếp tục thực hiện hợp đồng ngày 16/12/2020. Tính đến ngày 29/9/2025 số điểm của bà N1 là 124.4 điểm. Tuy nhiên bà N1 chỉ yêu cầu Công ty D mua lại 103,7 điểm với giá trị theo hợp đồng là: $103,7 \text{ điểm} \times 1.800.000 \text{ đồng} = 186.660.000 \text{đ đồng}$. Số điểm còn lại, bà N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Công ty TNHH D có người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thừa nhận bà Lê Thị Minh N ký hợp đồng thẻ tích điểm kỳ nghỉ số YTS- 002001507 ngày 26/12/2020 với Công ty D. Điểm gốc theo hợp đồng tại thời điểm ký là 80 điểm, bà N đã sử dụng dịch vụ đặt phòng là 26,9 điểm, hiện tại điểm gốc còn lại là 53,1 điểm, điểm tích lũy 20% hàng năm 50,6 điểm, tổng điểm còn lại là 103,7. Ngày 22/2/2024, bà N đã làm việc trực tiếp tại văn phòng Công ty D để thông báo việc bán số điểm còn lại nêu trên. Qua buổi làm việc, nhân viên Công ty D đã chia sẻ cụ thể theo điều 2 khoản 2.1E của hợp đồng ngày 26/12/2020 giữa hai bên quy định Công ty D sẽ hỗ trợ mua lại khi bà N có nhu cầu bán chứ không phải cam kết 100% sẽ mua lại toàn bộ số điểm của bà N và hiện tại Công ty D đang ưu tiên đối với các hợp đồng cam kết trước, công ty đã tiếp nhận yêu cầu bán điểm của bà N. Công ty sẽ tìm kiếm đối tác và sẽ thông tin đến bà N khi có khách hàng hoặc hỗ trợ từ phía công ty không có nghĩa vụ phải thực hiện yêu cầu của bà N về việc mua lại số điểm tích lũy. Hiện tại, hợp đồng ngày 26/12/2020 vẫn đang có hiệu lực, bà N vẫn sử dụng dịch vụ đặt phòng bình thường trong thời gian công ty D tiếp nhận thông tin bán điểm thẻ tích điểm của bà N.

Tại phiên tòa, Công ty D xác nhận Công ty D không sở hữu các kỳ nghỉ theo phụ lục của hợp đồng đã ký kết, tuy nhiên Công ty D vẫn thực hiện việc đặt phòng khi khách hàng có yêu cầu theo hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty D không hỗ trợ đặt phòng cho bà N 01 lần là do phía bà N đặt phòng không đúng quy định của hợp đồng và Công ty D đã phản hồi nhưng bà N không có ý kiến. Theo quy định tại Hợp đồng thì Công ty D chỉ hỗ trợ mua điểm chứ không bắt buộc phải mua và chỉ mua điểm gốc, không mua điểm thưởng.

Do các đương sự không thỏa thuận được nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử.

****Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1210/2025/DS-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:***

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 117, 357, 404, 468, 513 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị Minh N về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tích điểm kỳ nghỉ số YTS-002001507/2020/HĐTĐ-YTS ngày 26/12/2020 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn D và bà Lê Thị Minh N.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn D phải mua lại toàn bộ số điểm tích lũy kỳ nghỉ của bà Lê Thị Minh N theo hợp đồng tích điểm kỳ nghỉ số YTS-

002001507/2020/HĐTD-YTS ngày 26/12/2020 là 103,7 (một trăm linh ba phẩy bảy) điểm, với giá trị 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng/điểm. Công ty Trách nhiệm hữu hạn D phải trả cho bà Lê Thị Minh N là 186.660.000 (một trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí sơ thẩm là 9.333.000 (chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn D phải đóng.

Bà Lê Thị Minh N thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành bản án.

Sau khi bản án đã tuyên, ngày 13/10/2025 bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Các đương sự khác không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn: Có người đại diện theo ủy quyền không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không đồng ý thỏa thuận, hòa giải đề nghị xét xử phúc thẩm theo quy định.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn D là không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ theo khoản 1

Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1210/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn D thực hiện đảm bảo về thời hạn, đúng thủ tục kháng cáo theo quy định tại Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

1. Về nội dung:

Qua đối chất tại phiên tòa phúc thẩm đối chiếu lời trình bày và chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy:

[2.1] Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn D tại đơn kháng cáo không đồng ý mua lại toàn bộ số điểm và thanh toán cho nguyên đơn. Vì quy định này không phù hợp với điều khoản thực tế mà hợp đồng đã ký, cũng như không phản ánh đúng tính chất của hợp đồng là hợp đồng dịch vụ cho thuê kỳ nghỉ, không phải hợp đồng tài chính hay hợp đồng mua bán. Việc buộc công ty T2 trả tiền một lần vừa trái với thỏa thuận hỗ trợ mua lại, vừa gây ảnh hưởng đến khả năng tài chính hoạt động của công ty. Nay, bị đơn chỉ đồng ý mua lại điểm gốc là 53 điểm, thành tiền là 95.580.000 đồng là căn cứ theo điểm e,d khoản 2 Điều 2 tại Phụ Lục D của hợp đồng. Vì bị đơn chỉ hỗ trợ mua lại chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc.

[2.2] Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền không đồng ý lời trình bày của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D, bởi vì quá trình ký kết hợp đồng, công ty đã tư vấn, giải thích cho bên nguyên đơn với các điều khoản rõ ràng như trên, chính vì vậy nguyên đơn bà N mới đồng ý ký hợp đồng và chịu bỏ ra số tiền để thực hiện hợp đồng. Mặt khác, chính vì có sự thỏa thuận về điều khoản này mà bà N mới đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng cho đến nay mà không đề nghị chấm dứt. Vì vậy, đề nghị công ty nên xem xét lại để chấp nhận yêu cầu cho bên nguyên đơn.

[2.3] Xét thấy, tại phiên tòa hai bên thừa nhận Hợp đồng tích điểm kỳ nghỉ ngày số YTS- 002001507/2020/HĐTĐ-YTS ngày 26/12/2020 được ký kết giữa hai bên, ngoài hợp đồng này còn có các Phụ lục hợp đồng như Phụ lục A, phụ lục B, phụ lục C, phụ lục D, được các đương sự thừa nhận đúng ý chí, nguyện vọng của các bên, đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cung cấp dịch vụ. Diễn biến là ngày

28/6/2022, bà N đặt phòng nhưng Công ty D từ chối và yêu cầu phải đặt 02 đêm liên tục. Ngày 08/11/2023, bà N đặt phòng tại Resort Alma từ ngày 11/02/2024 đến hết ngày 14/02/2024 nhưng không có vì Công ty YTS không sở hữu các kỳ nghỉ theo phụ lục của hợp đồng đã ký kết. Do không đặt được phòng nên bà N đề nghị thanh lý hợp đồng nhưng Công ty D không đồng ý. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tích điểm kỳ nghỉ số YTS-002001507/2020/HĐTD-YTS ngày 26/12/2020 và buộc Công ty D mua lại 103,7 điểm với giá trị theo hợp đồng là: $103,7 \text{ điểm} \times 1.800.000 \text{ đồng} = 186.660.000 \text{đồng}$, Công ty D có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền 186.660.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiếp tục thực hiện hợp đồng ngày 16/12/2020 và tính đến ngày 29/9/2025 số điểm của bà N là 124.4 điểm, nhưng bà N chỉ yêu cầu Công ty D mua lại 103,7 điểm với giá trị theo hợp đồng là $103,7 \text{ điểm} \times 1.800.000 \text{ đồng} = 186.660.000 \text{đồng}$. Số điểm còn lại, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên thống nhất không chấm dứt hợp đồng đã ký mà chỉ tranh chấp về số tiền mà các bên đang thực hiện hợp đồng. Vậy, hợp đồng vẫn còn đang có hiệu lực thi hành.

Xét thấy, về yêu cầu của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn, khi xem xét về Phụ Lục D quy định về Điều khoản chung, tại Điều 2 khoản 2.1 điểm d “Số điểm thẻ nghỉ dưỡng sẽ được tích lũy 20% trên tổng số điểm còn lại chưa sử dụng mỗi năm của Khách hàng” và tại điểm e có thỏa thuận “Kể từ ngày 08/01/2024 Khách hàng có nhu cầu thanh lý toàn bộ số Điểm Nghỉ Dưỡng còn lại của thẻ nghỉ dưỡng, Công ty sẽ hỗ trợ mua lại tương ứng với số điểm đó và được tính với giá trị thấp nhất bằng 1.800.000 VNĐ/điểm (Số tiền sẽ thay đổi căn cứ trên Chỉ số tiêu dùng của Việt Nam”CPI” tại thời điểm đó).

Lý giải theo điều khoản của phụ lục D này, bị đơn cho rằng trách nhiệm của công ty chỉ theo hướng hỗ trợ mua lại điểm gốc tại thời điểm này là 53 điểm, thành tiền 95.580.000 đồng, chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc công ty phải thực hiện như nguyên đơn yêu cầu. Ngoài Phụ lục A,B,C,D thì không còn phụ lục và quy định nào khác. Đây là lời giải thích của bị đơn chứ không căn cứ vào điều khoản nào quy định trong hợp đồng. Căn cứ tại Phụ lục D, khoản 2, khoản 2.1 điểm e đã quy định rất rõ: “Kể từ ngày 08/01/2024 Khách hàng có nhu cầu thanh lý toàn bộ số Điểm Nghỉ Dưỡng còn lại của thẻ nghỉ dưỡng, Công ty sẽ hỗ trợ mua lại tương ứng với số điểm đó và được tính với giá trị thấp nhất bằng 1.800.000 VNĐ/điểm (Số tiền sẽ thay đổi căn cứ trên Chỉ số tiêu dùng của Việt Nam”CPI” tại thời điểm đó)”. Hoàn toàn không có nội dung nào như bị đơn vừa trình bày. Bị đơn cũng thừa nhận số điểm của nguyên đơn, phía nguyên đơn cũng chứng minh được yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, phù hợp với các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng, đúng với điều khoản mà hai bên quy định. Hợp đồng với các điều khoản trong phụ lục hợp đồng cũng

không vi phạm, không trái quy định pháp luật nên được công nhận. Bị đơn không chứng minh được lời giải thích, diễn giải nêu trong đơn kháng cáo là căn cứ vào quy định của điều khoản nào trong hợp đồng, vì vậy kháng cáo không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, tại các phụ lục ghi rất rõ, giải thích rất nhiều từ ngữ trong hợp đồng nhưng hoàn toàn không có quy định nào như lời bị đơn trình bày tại Tòa. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài đơn kháng cáo và lời trình bày bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận toàn bộ.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đồng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.
2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn công ty D phải chịu là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0031068 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ YTS

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 1210/2025/DS-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh

2.1 Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị Minh N về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tích điểm kỳ nghỉ số YTS-002001507/2020/HĐTĐ-YTS ngày 26/12/2020 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn D và bà Lê Thị Minh N.

2.2 Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn D phải mua lại toàn bộ số điểm tích lũy kỳ nghỉ của bà Lê Thị Minh N theo hợp đồng tích điểm kỳ nghỉ số YTS-002001507/2020/HĐTĐ-YTS ngày 26/12/2020 là 103,7 (một trăm linh ba phẩy bảy) điểm, với giá trị 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng/điểm. Công ty Trách nhiệm hữu hạn D phải trả cho bà Lê Thị Minh N là 186.660.000 (một trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí sơ thẩm là 9.333.000 (chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn D phải đóng.

Bà Lê Thị Minh N thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn D phải chịu là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0031068 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND TP. HCM;
- TAND khu vực 5 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 5;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim

